TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 527/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 233/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Ông Cao Xuân L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 39 N, Phường 2, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Đình X– Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Bích T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 18L Lý Văn P, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH TM DV X.

Địa chỉ: 46/38 Đường X, Tổ 3, Khu phố 3, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Ông Cao Xuân L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 39 N, Phường 2, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đặng Thị Bích T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: 18L Lý Văn Phức, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Xuân L và bà Đặng Thị Bích T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông Cao Xuân L và bà Đặng Thị Bích T có 02 con chung tên Cao Vũ L sinh ngày 09/4/1982 và Cao Thị Mai L sinh ngày 03/12/1984. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Cao Xuân L rút yêu cầu chia các tài sản chung sau đây: Căn nhà 146 L, phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 397/2002 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp ngày 04/5/2002, được Ủy ban nhân dân Quận H đăng ký biến động ngày 15/7/2002; Thửa đất số 1115, tờ bản đồ số 06 xã L, huyện T, diện tích 192m^2 tại phường L, Quận H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00126/16QSDĐ/LT do Ủy ban nhân dân Quận H cấp ngày 29/10/2002; Thửa đất số 569, tờ bản đồ số 13, phường L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00978 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp ngày 07/3/2011.

Ông Cao Xuân L và bà Đặng Thị Bích T đã tự thỏa thuận được với nhau về vấn đề tài sản chung và đã phân chia xong tài sản trong thời kỳ hôn nhân (đính kèm Biên nhận tiền ngày 31/01/2016; Giấy cam kết ngày 16/5/2019; Hợp đồng ủy quyền ngày 16/5/2016). Ông Cao Xuân L và bà Đặng Thị Bích T cam kết không còn tài sản chung để chia nên xem như không còn tài sản chung vợ chồng.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Ông Cao Xuân L tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0044600 ngày 23/5/2018 của Cục Thi hành

án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Cao Xuân L được hoàn lại 150.000 đồng theo Biên lai số 0044600 và 56.000.000 đồng theo Biên lai số 0044599 cùng ngày 23/5/2018 cùng của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lệ Uyên